

Tên cũ: Shell Alvania Grease EP(LF), Retinax EP

# Shell Gadus S2 V220

## Mỡ chịu cực áp Đa dụng chất lượng cao

- **Bảo vệ tin cậy**
- **Đa dụng**
- **Lithium**

Shell Gadus S2 V220 là loại mỡ cực áp đa dụng chất lượng cao chế tạo từ dầu khoáng có chỉ số độ nhớt cao và chất làm đặc gốc xà phòng lithium hydroxystreate có chứa phụ gia cực áp và các phụ gia đã được chứng minh để nâng cao hiệu suất trong một loạt các ứng dụng.

Shell Gadus S2 V220 được chế tạo để bôi trơn các ổ trượt và ổ lăn cũng như các khớp bản lề, các mặt trượt thường gặp trong công nghiệp và vận tải.

### Ứng dụng

**Shell Gadus S2 V220 0** được chế tạo để sử dụng cho:

- Các hệ thống bôi trơn máy cán thép nơi mà loại mỡ mềm được yêu cầu cho các hệ thống bơm phân phối mỡ đặc biệt.
- Các ổ lăn hoặc ổ trượt tải trọng nặng làm việc trong điều kiện khắc nghiệt bao gồm tải trọng va đập và môi trường ẩm ướt.

**Shell Gadus S2 V220 1** được chế tạo để sử dụng cho:

- Các ổ đỡ tải trọng nặng được bôi trơn nhờ hệ thống bơm phân phối trung tâm
- Các bánh răng chịu cực áp trong điều kiện nhiệt độ môi trường thông thường
- Các ổ lăn hoặc ổ trượt tải trọng nặng làm việc trong điều kiện khắc nghiệt bao gồm tải trọng va đập và môi trường ẩm ướt.
- Các ứng dụng bôi trơn bằng mỡ ở nhiệt độ thấp.

**Shell Gadus S2 V220 greases 2 & 3** được chế tạo để sử dụng cho:

- Các ổ đỡ tải trọng nặng và các vị trí bôi trơn trong công nghiệp nói chung.
- Các ổ lăn hoặc ổ trượt tải trọng nặng làm việc trong điều kiện khắc nghiệt bao gồm tải trọng va đập và môi trường ẩm ướt.
- Sử dụng trong khoảng nhiệt độ từ -20°C đến 100°C đối với các ổ đỡ hoạt động trong phạm vi 75% tốc độ tối đa (Có thể chịu được nhiệt độ lên đến 120°C một cách không liên tục)

### Đặc điểm chất lượng

- **Khả năng chịu tải rất nổi bật**  
Shell Gadus S2 V220 có chứa các phụ gia cực áp cho phép chúng có thể chịu được tải trọng lớn và tải va đập mà lớp màng bôi trơn không bị phá hủy.
- **Tính ổn định cơ học được cải thiện**  
Đây là đặc tính cực kỳ quan trọng trong môi trường rung động mà các loại mỡ kém ổn định cơ học có thể dẫn đến sự chảy mềm mỡ dẫn đến tổn thất về hiệu quả bôi trơn và rò rỉ.
- **Chống lại sự thổi rửa trong nước**  
Shell Gadus S2 V220 được pha chế để chống lại sự thổi rửa trong nước
- **Độ ổn định oxy hóa**  
Các thành phần dầu gốc được lựa chọn đặc biệt để có được tính chống oxy hóa tuyệt vời. Độ cứng của mỡ không bị thay đổi trong quá trình bảo quản và mỡ có thể chịu được nhiệt độ cao mà không bị cứng lại hoặc hình thành cặn bám trên ổ đỡ.
- **Chống ăn mòn**  
Shell Gadus S2 V220 có ái lực với kim loại và khae năng bảo vệ kim loại khỏi ăn mòn, ngay cả khi mỡ bị nhiễm nước.

**Chỉ tiêu chất lượng**

ASTM D4950-08 LB

Đạt tiêu chuẩn British Timken cho ứng dụng trong ngành cán thép.

**Khoảng thời gian tra mỡ lại**

Đối với các ổ đỡ làm việc ở gần sát nhiệt độ tối đa được khuyến cáo, khoảng thời gian tra mỡ nên được xem xét lại.

**Sức khỏe và An toàn**

Shell Gadus S2 V100 không gây bất cứ nguy hại nào về sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo khuyến cáo và các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh công nghiệp được duy trì.

Để có thêm hướng dẫn về An toàn và Sức khỏe xin tham khảo Phiếu dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng.

**Chú ý**

*Cần cẩn trọng để đảm bảo mỡ không tiếp xúc với các bộ phận bằng cao su của phanh thủy lực.*

**Tính chất vật lý điển hình**

<b>Shell Gadus S2 V220</b>	<b>00</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<b>Loại xà phòng</b>	Lithium	Lithium	Lithium	Lithium	Lithium
<b>Dầu gốc</b>	Mineral	Mineral	Mineral	Mineral	Mineral
<b>Độ nhớt động học</b> @ 40°C cSt 100°C cSt (IP 71/ASTM-D445)	220 19	220 19	220 19	220 19	220 19
<b>Điểm nhỏ giọt</b> °C (IP 132)	-	-	180	180	180
<b>Độ xuyên kim</b> Worked @ 25°C 0.1mm (IP 50/ASTM-D217)	400-430	355-385	310-340	265-295	220-250

Những tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách của Shell